

DOI: 10.58490/ctump.2024i74.2573

## KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ, HÀNH VI VỀ SỨC KHỎE SINH SẢN CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ LÂM ĐỒNG

Nguyễn Văn Tới<sup>\*</sup>, Nguyễn Đức Trọng<sup>2</sup>

1. Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng

2. Trường Đại học Thăng Long

\*Email: nguyentoi2808@gmail.com

Ngày nhận bài: 15/4/2024

Ngày phản biện: 25/5/2024

Ngày duyệt đăng: 27/5/2024

### TÓM TẮT

**Đặt vấn đề:** Sức khỏe sinh sản là một phần thiết yếu của sức khỏe tổng thể, trình độ hiểu biết và thái độ đối với sức khỏe sinh sản của sinh viên y khoa sẽ ảnh hưởng đến hành vi tình dục. **Mục tiêu nghiên cứu:** Khảo sát kiến thức, thái độ, hành vi về sức khỏe sinh sản của sinh viên trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng năm 2024. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 504 sinh viên tại Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng từ tháng 01 đến tháng 3/2024. **Kết quả:** Tỷ lệ sinh viên nữ giới 84,5%; nam giới 15,5% với tuổi trung bình 20. Kênh thông tin về sức khỏe phổ biến là từ chương trình đào tạo/nhà trường (70,8%); truyền hình, Internet (50,4%). Tỷ lệ sinh viên có kiến thức về sức khỏe sinh sản chung đạt còn khá thấp 27,2%; tỷ lệ đối tượng có kiến thức đúng về các biện pháp tránh thai là 48,8%; trong đó có 85,1% đối tượng biết đến biện pháp bao cao su. Tỷ lệ sinh viên có thái độ về sức khỏe sinh sản đúng là 49,0%; trong đó tỷ lệ đối tượng có thái độ đạt về việc nạo/phá thai trước hôn nhân (76,4%). Có 58,7% đối tượng có hành vi về sức khỏe sinh sản đúng. Tỷ lệ đối tượng đã có quan hệ tình dục với bạn tình 66,9%. Hành vi đúng của sinh viên về việc sử dụng các biện pháp tránh thai 99,0%. Có mối tương quan giữa điểm kiến thức, thái độ, thực hành về về sức khỏe sinh sản của sinh viên với  $r=0,25$ ;  $r=0,21$ ;  $r=0,32$ ; mối tương quan có ý nghĩa thống kê với  $p<0,05$ . **Kết luận:** Mở rộng thêm khóa đào tạo tại trường hoặc tổ chức các chương trình ngoại khóa tư vấn về các biện pháp tránh thai từ các câu lạc bộ có thể giúp cải thiện kiến thức về sức khỏe sinh sản mà đối tượng còn có tỉ lệ trả lời đúng thấp.

**Từ khóa:** Kiến thức, thái độ thực, thực hành (KAP), sức khỏe tình dục, sinh viên.

### ABSTRACT

## KNOWLEDGE, ATTITUDE, AND PRACTICE OF REPRODUCTIVE HEALTH AMONG STUDENTS IN LAMDONG MEDICAL COLLEGE

Nguyen Van Toi<sup>1\*</sup>, Nguyen Duc Trong<sup>2</sup>

1. Lam Dong Medical College

2. Thang Long University

**Background:** Reproductive health is an essential part of overall well-being and medical students' sexual education. Level of sexual knowledge and attitudes toward reproductive health affect their sexual behavior. **Objectives:** To determine knowledge, attitude, and practice of reproductive health among students of Lam Dong Medical College in 2024. **Materials and methods:** A cross-sectional study was conducted on 504 students in Lam Dong Medical College from January and March 2024. STATA 17.0 was used for the statistical analysis of the data collected. **Results:** The percentage of female students was 84.5%; male was 15.5% with a mean of age 20 years old. The most common health information channel was training programs/schools (70.8%); from television and the Internet (50.4%). The percentage of students with general reproductive health knowledge was quite low, 27.2%. The proportion of subjects with correct knowledge about contraceptive methods was

48.8%; of which 85.1% of students knew about condoms. The proportion of students with correct reproductive health attitudes was 49.0%. Among them, the proportion of subjects with favorable attitudes about premarital abortion (76.4%). 58.7% of subjects had correct reproductive health behaviors. The proportion of subjects who had sex with a partner was 66.9%. Students' correct behavior regarding the use of contraceptive methods was 99.0%. There was a correlation between students' scores of knowledge, attitudes and practices about reproductive health with  $r = 0.25$ ;  $r=0.21$ ;  $r=0.32$ , respectively  $p<0.05$ . **Conclusions:** Expanding training courses at school or organizing extracurricular counseling programs on contraceptive methods from clubs can help improve the content of reproductive health knowledge that students also had a low rate of correct answers.

**Keywords:** Knowledge, attitude, practices (KAP), reproductive health, students

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sức khỏe sinh sản là một phần thiết yếu của sức khỏe tổng thể liên quan đến tình dục [1]. Điều này đặc biệt quan trọng đối với những sinh viên đại học đã trưởng thành. Hiện nay, mặc dù công tác truyền thông, chăm sóc sức khỏe sinh sản cho vị thành niên, thanh niên đã được quan tâm hơn, tuy nhiên kiến thức, thái độ và thực hành về sức khỏe sinh sản của vị thành niên, thanh niên còn khá hạn chế. Ở nhiều địa phương, nhiều trường đại học, cao đẳng, vẫn còn tình trạng vị thành niên, sinh viên mang thai ngoài ý muốn từ đó kéo theo những hệ lụy không nhỏ về sức khỏe thể chất và tinh thần [2]. Nguyên nhân chính bắt nguồn từ sự thiếu kiến thức về sức k

hoẻ sinh sản, ngại chia sẻ những kiến thức về giới, về tình dục an toàn, về các biện pháp tránh thai... Do đó, việc hiểu được kiến thức, thái độ và thực hành về sức khỏe sinh sản của sinh viên đại học là rất quan trọng. So với sinh viên các ngành khác, sinh viên y khoa có kiến thức về giới tính sâu hơn, thái độ và hành vi tình dục của họ sẽ ảnh hưởng đến thái độ và hành vi y tế của họ đối với bệnh nhân sau khi trở thành nhân viên y tế [3]. Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng là đơn vị sự nghiệp thuộc uỷ ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng có chức năng, nhiệm vụ đào tạo cán bộ y tế cho địa phương và các tỉnh, thành phố lân cận. Sinh viên theo học tại nhà trường phần lớn có độ tuổi từ 18 đến 21 và đến từ nhiều tỉnh thành khác nhau trong cả nước trong đó tỷ lệ sinh viên nữ chiếm trên 80%. Đây là nhóm đối tượng cần được quan tâm giáo dục, chăm sóc sức khỏe sinh sản, tuy nhiên đến nay chưa có nghiên cứu nào về nội dung này được thực hiện, do vậy nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu khảo sát kiến thức, thái độ, thực hành về sức khỏe sinh sản của sinh viên trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng năm 2024.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên cao đẳng, hệ chính quy đang theo học tại Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng từ 12/2023 – 3/2024.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Sinh viên cao đẳng, hệ chính quy đang theo học tại Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Sinh viên đã có quyết định thôi học hoặc sinh viên đã kết thúc khóa học tại trường; không đồng ý trả lời được bộ câu hỏi khảo sát.

- **Thời gian và địa điểm nghiên cứu:** Nghiên cứu thực hiện tại Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng từ 12/2023 – 3/2024.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

- **Cỡ mẫu:** Trong nghiên cứu này chúng tôi thực hiện trên 504 sinh viên (toàn bộ sinh viên năm 1, 2, 3 đang theo học tại Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng năm học 2023 - 2024).

- **Phương pháp chọn mẫu:** Chọn mẫu toàn bộ.

- **Công cụ thu thập thông tin:** Phát vấn trực tiếp bộ câu hỏi được thiết kế sẵn.

- **Tiêu chuẩn đánh giá trong nghiên cứu:** Đánh giá điểm kiến thức, thái độ, thực hành về chăm sóc sức khỏe sinh sản được tham khảo từ nghiên cứu của Võ Thị Kiều Mi (202) [4], Lâm Văn Minh (2023) [5].

+ Đánh giá kiến thức về sức khỏe sinh sản bao gồm 15 nội dung: Thang điểm đánh giá kiến thức với số điểm tối đa là 60 điểm. Đạt yêu cầu khi trả lời được khoảng từ 80% số điểm của các câu hỏi. Tổng số điểm  $\geq 48$  thì đánh giá kiến thức đạt [6].

+ Đánh giá thái độ về sức khỏe sinh sản bao gồm 6 nội dung: Thang điểm đánh giá thái độ với số điểm tối đa là 24 điểm. Đạt yêu cầu khi trả lời được khoảng từ 0% số điểm của các câu hỏi. Tổng số điểm  $\geq 20$  thì đánh giá là thái độ đạt [6].

+ Đánh giá hành vi về sức khỏe sinh sản bao gồm 5 nội dung: Thang điểm đánh giá thực hành với điểm số tối đa là 20 điểm. Đạt yêu cầu khi trả lời khoảng từ 80% số điểm của các câu hỏi. Tổng số điểm  $\geq 4$  thì đánh giá là thái độ đạt [6].

- **Phương pháp xử lý số liệu:** Số liệu được nhập liệu bằng phần mềm Exel. Làm sạch và phân tích dữ liệu bằng phần mềm STATA 17.0. Kết quả trình bày theo dạng bảng tần số, tỷ lệ cho biến định tính, giá trị trung bình, độ lệch chuẩn cho biến định lượng.

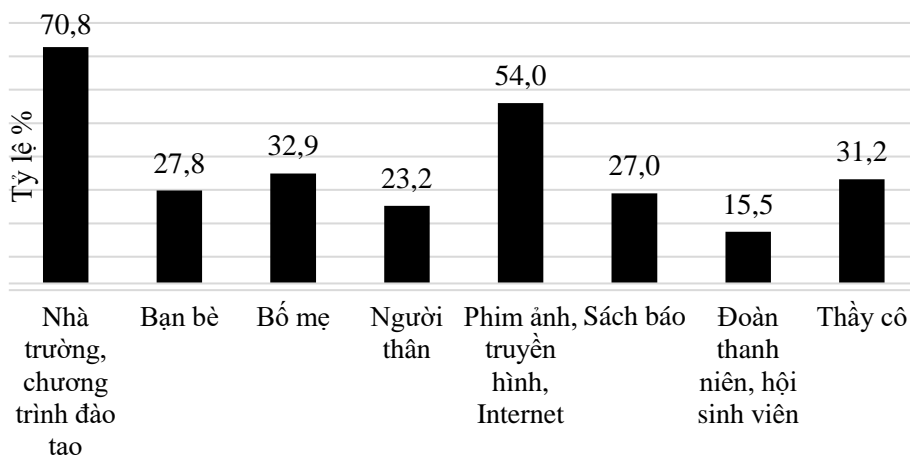
- **Đạo đức trong nghiên cứu:** Nghiên cứu được thông qua bởi Hội đồng đề cương Luận văn Thạc sỹ trường Đại học Thăng Long theo quyết định số 23110103/QĐ-ĐHTL ngày 1 tháng 11 năm 2023 và sự đồng ý của lãnh đạo Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng. Các thông tin do đối tượng cung cấp chỉ phục vụ cho mục tiêu nghiên cứu.

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n=504)

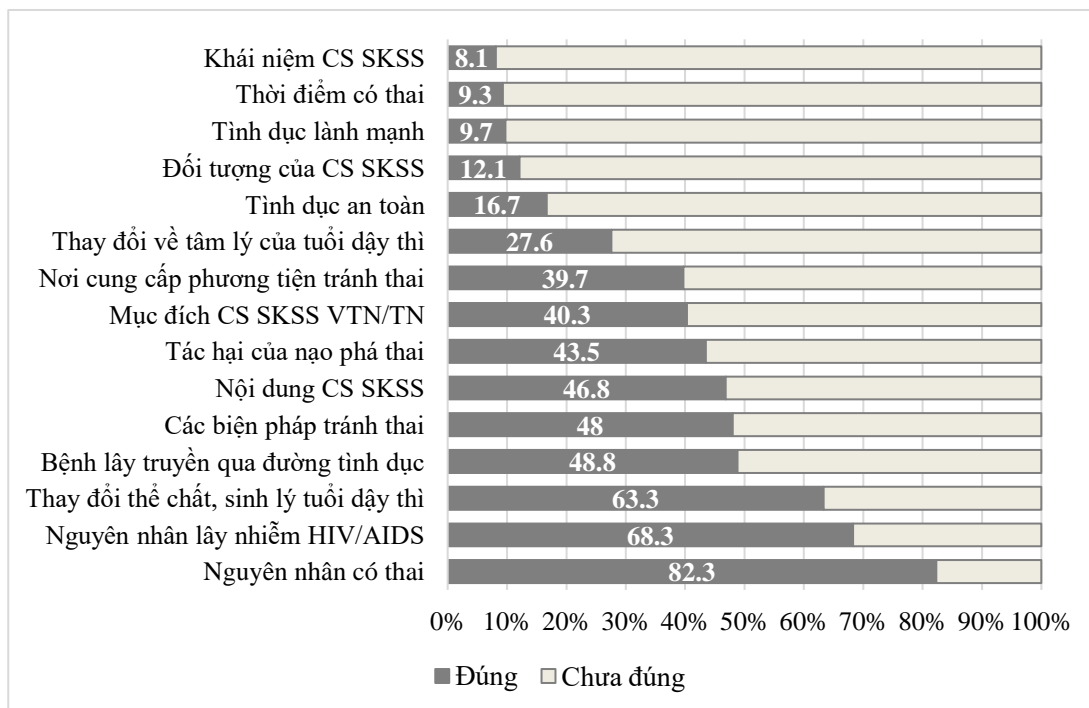
Đặc điểm		Số lượng	%
Giới tính	Nam	78	15,5
	Nữ	426	84,5
Tuổi trung bình		20,01±2,64 (18-38 tuổi)	
Sinh viên năm	1	222	44,1
	2	167	33,1
	3	115	22,8
Chuyên ngành	Điều dưỡng	203	40,3
	Dược	255	50,6
	Xét nghiệm - Phục hồi chức năng	46	9,1
Chung		<b>504</b>	<b>100</b>

Nhận xét: Tỷ lệ sinh viên nữ giới 84,5%; nam giới 15,5% với tuổi trung bình 20 tuổi. Tỷ lệ sinh viên năm 1 là 44,1%; năm 2 là 33,1%; năm 3 là 22,8%. Phần lớn sinh viên học ngành điều dưỡng và dược (40,3% và 50,6%).



Biểu đồ 1. Các kênh nhận thông tin về sức khỏe sinh sản

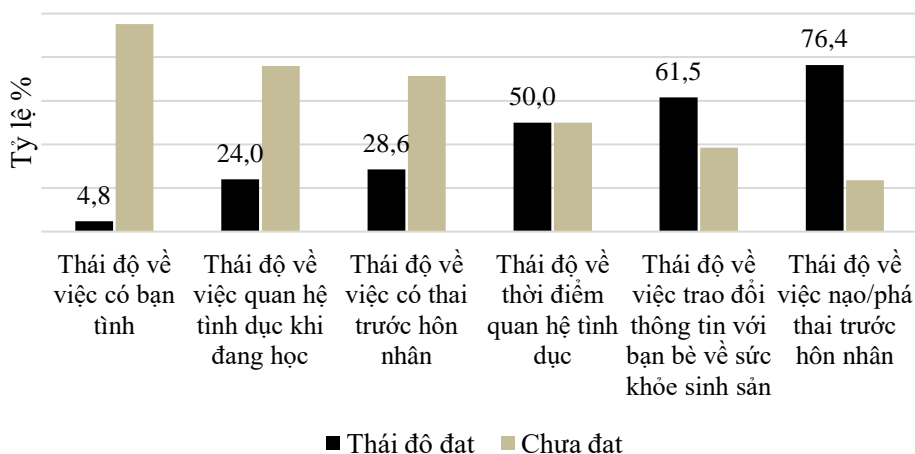
Nhận xét: Kênh thông tin về sức khỏe phổ biến là từ chương trình đào tạo/nhà trường (70,8%); từ truyền hình, Internet (50,4%); kênh ít phổ biến nhất là từ đoàn thanh niên/hội sinh viên (15,5%); sách báo (27,0%).



CS SKSS: chăm sóc sức khỏe sinh sản  
VTN/TN: vị thành niên/thanh niên

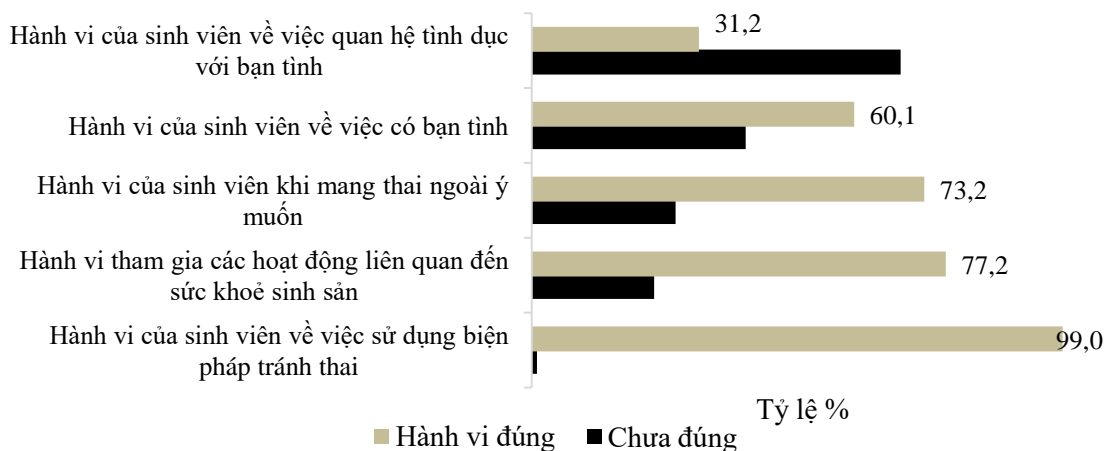
Biểu đồ 2. Kiến thức về sức khỏe sinh sản của sinh viên (n=504)

Nhận xét: Đánh giá kiến thức về sức khỏe sinh sản trên 15 nội dung, trong đó tỷ lệ kiến thức đạt cao nhất ở các nội dung về nguyên nhân có thai (82,3%); nguyên nhân lây nhiễm HIV/AIDS (68,3%); kiến thức về thay đổi thể chất sinh lý tuổi dậy thì (68,3%). Tỷ lệ kiến thức đạt thấp nhất ở các nội dung về khái niệm chăm sóc sức khỏe sinh sản (8,1%); thời điểm có thai (9,3%); tình dục lành mạnh (9,7%).



Biểu đồ 3. Thái độ về sức khỏe sinh sản của sinh viên (n=504)

Nhận xét: Đánh giá thái độ về sức khỏe sinh sản của đối tượng dựa trên 6 nội dung, trong đó tỉ lệ đối tượng có thái độ đạt cao về việc nạo/phá thai trước hôn nhân (76,4%); thái độ về việc trao đổi thông tin với bạn bè về sức khỏe sinh sản (61,5%). Thái độ đạt về việc có bạn tình, thái độ về việc quan hệ tình dục khi đang học có tỉ lệ thấp (4,8% và 24,0%).



Biểu đồ 4. Hành vi về sức khỏe sinh sản của sinh viên (n=504)

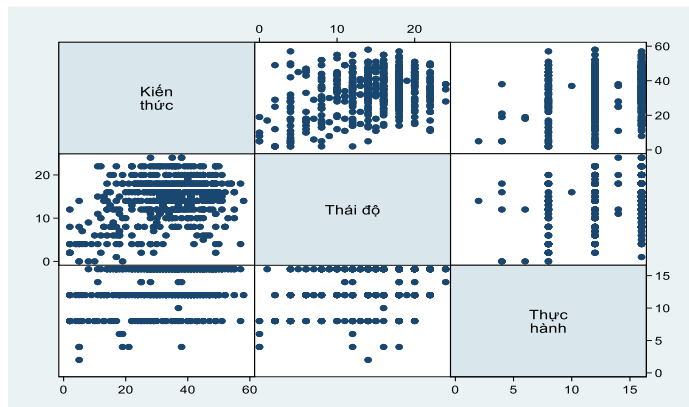
Nhận xét: Đánh giá hành vi về sức khỏe sinh sản của đối tượng dựa trên 5 nội dung, trong đó hành vi đúng của sinh viên về việc sử dụng các biện pháp tránh thai cao nhất chiếm 99,0%; hành vi đúng về việc quan hệ tình dục với bạn tình chiếm tỉ lệ thấp nhất 31,2%.

Bảng 2. Đánh giá kiến thức, thái độ, thực hành chung về sức khỏe sinh sản của sinh viên (n=504)

Nội dung	Đúng/Đạt		Chưa đúng/chưa đạt	
	n	%	n	%
Kiến thức	137	27,2	367	72,8
Thái độ	247	49,0	257	51,0
Hành vi	296	58,7	208	41,3

Nhận xét: Tỷ lệ sinh viên có kiến thức về sức khỏe sinh sản chung đạt là 27,2%; thái độ về sức khỏe sinh sản đạt là 49,0%; hành vi về sức khỏe sinh sản đúng là 58,7%.

	Kiến thức	Thái độ	Thực hành
Kiến thức	1,00		
Thái độ	0,25*	1,00	
Thực hành	0,21*	0,32*	1,00



\*p<0.05

Biểu đồ 5. Mối tương quan giữa điểm kiến thức, thái độ, thực hành chung về sức khỏe sinh sản của sinh viên (n=504)

Nhận xét: Có mối tương quan giữa điểm kiến thức, thái độ, thực hành về sức khỏe sinh sản của sinh viên với  $r=0,25$ ;  $r=0,21$ ;  $r=0,32$ ; mối tương quan có ý nghĩa thống kê với  $p<0,05$ .

#### IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu đánh giá kiến thức, thái độ, thực hành về sức khỏe sinh sản thực hiện trên toàn bộ sinh viên đang theo học tại trường Cao Đẳng Y tế Lâm Đồng năm học 2023-2024, với tỉ lệ phản hồi 100% (504/504 sinh viên). Trong đó với phần lớn đối tượng là nữ giới 84,5%; nam giới 15,5% với tuổi trung bình 20 tuổi. Tỷ lệ sinh viên năm 1, 2,3 lần lượt là 44,1%; 33,1%; 22,8%. Đặc điểm này tương đồng với một số nghiên cứu trước ở đối tượng là sinh viên Y [2], [5]. Khảo sát các kênh thông tin về sức khỏe sinh sản phổ biến được nhận của đối tượng trong nghiên cứu chủ yếu là từ chương trình đào tạo/nhà trường (70,8%); từ truyền hình, Internet (50,4%); các kênh thông tin khác chiếm tỉ lệ thấp hơn. Điều này cũng phù hợp với đặc điểm của đối tượng nghiên cứu, do nghiên cứu này chúng tôi thực hiện tại một trường cao đẳng về Y tế, trong quá trình sinh viên theo học ở đây cũng như các trường đào tạo về chuyên ngành Y đều có các môn học về sinh lý học, giải phẫu, và các môn chuyên khoa về sản. Ngoài ra đối với đối tượng là sinh viên, học sinh thì việc tiếp cận chủ động với các kênh thông tin từ Internet hầu như là khá cao.

Đánh giá kiến thức về sức khỏe sinh sản trên 15 nội dung, trong đó tỷ lệ kiến thức đạt cao nhất ở các nội dung về nguyên nhân có thai (82,3%); nguyên nhân lây nhiễm HIV/AIDS (68,3%); kiến thức về thay đổi thể chất sinh lý tuổi dậy thì (68,3%). Điều này cho thấy sinh viên đã có kiến thức khá đầy đủ về nguyên nhân có thai, nguyên nhân lây nhiễm các bệnh lây truyền qua đường tình dục được chú trọng nhiều. Một trong những hậu quả của việc quan hệ tình dục không an toàn, có nguy cơ dẫn đến lây nhiễm các bệnh lây truyền qua đường tình dục [7]. Tỷ lệ kiến thức đạt thấp nhất ở các nội dung về khái niệm chăm sóc sức khỏe sinh sản (8,1%); thời điểm có thai (9,3%); tình dục lành mạnh (9,7%); điều này thể hiện việc sinh viên đang xem nhẹ kiến thức ở các nội dung này. Tỷ lệ đối tượng có kiến thức đúng về các biện pháp tránh thai là 48,8% (biết hết đầy đủ các phương pháp tránh thai hiện nay); trong đó có 85,1% đối tượng biết đến biện pháp bao cao su. Điều này có thể được giải thích do biện pháp sử dụng bao cao su được nhắc đến, quảng cáo nhiều, dễ sử dụng, ngoài ra ưu điểm của biện pháp này so với các biện pháp phòng tránh thai khác là dự phòng bệnh lây truyền qua đường tình dục, và dễ dàng tiếp cận. Trong nghiên cứu của

Võ Kiều Thị Mi ở đối tượng sinh viên khoa khoa học sức khỏe trường Đại học Duy Tân tỷ lệ có kiến thức đạt về biện pháp tránh thai là 70,9% [4].

Đánh giá thái độ về sức khỏe sinh sản của đối tượng dựa trên 6 nội dung, trong đó tỉ lệ đối tượng có thái độ đạt cao về việc nạo/phá thai trước hôn nhân (76,4%); thái độ về việc trao đổi thông tin với bạn bè về sức khỏe sinh sản (61,5%). Ghi nhận rằng thái độ về việc không đồng tình nạo phá thai cao; điều này một phần cũng phù hợp với việc gần 50% sinh viên có hiểu biết đầy đủ về hậu quả có thai; khi có hiểu biết đầy đủ thường dẫn đến việc đối tượng có thái độ đúng. Thái độ đạt về việc có bạn tình, thái độ về việc quan hệ tình dục khi đang học có tỉ lệ thấp (4,8%, 24,0%). Do đối tượng là sinh viên, còn trẻ tuổi, do đó thường đang có thái độ khá thoáng về việc quan hệ tình dục, chưa nghĩ đến nhiều hậu quả của việc quan hệ tình dục không an toàn, hầu như còn có thái độ lảng tránh [8].

Đánh giá hành vi về sức khỏe sinh sản của đối tượng dựa trên 5 nội dung (hành vi về việc quan hệ tình dục với bạn tình, có bạn tình, mang thai ngoài ý muốn, tham gia các hoạt động liên quan đến sức khỏe sinh sản, sử dụng biện pháp tránh thai), trong đó hành vi đúng của sinh viên về việc sử dụng các biện pháp tránh thai cao nhất chiếm 99,0%. Tỷ lệ đối tượng đã có quan hệ tình dục với bạn tình chiếm tỉ lệ khá cao 66,9%. Tỷ lệ này cao hơn so với một số nghiên cứu trước như nghiên cứu của J Zhao (2023) 16,42% số người tham gia báo cáo đã từng quan hệ tình dục trước hôn nhân [9], tuy nhiên tỉ lệ này tại Mỹ khá cao 87,0% [10]. Quan hệ tình dục trước hôn nhân đã trở nên phổ biến và chấp nhận được hơn trong suốt thập kỷ qua tại nhiều các nước châu Á, trong đó bao gồm Việt Nam. Do đó tỉ lệ quan hệ tình dục trước hôn nhân ngày càng tăng qua thời gian. Sự phát triển của giáo dục sức khỏe sinh sản, cũng như việc được tiếp cận nhiều hơn với thông tin về sức khỏe sinh sản từ lứa tuổi thanh thiếu niên đã phần nào giải thích sự thay đổi này [10]. Trong nghiên cứu của Phạm Thị Bảo An ở đối tượng sinh viên khối sức khỏe trường Đại học Đại Nam năm 2022 cho thấy tỷ lệ sinh viên đã có người yêu là 46,7%, đã quan hệ tình dục trước hôn nhân là 16,1%. Sinh viên nam quan hệ tình dục trước hôn nhân (18,9%) cao hơn nữ (14,5%). Đối với vấn đề tình dục an toàn, trong số đối tượng nghiên cứu đã từng quan hệ tình dục có 78,3% đối tượng có sử dụng biện pháp tránh thai, có 21,7% đối tượng không dùng biện pháp tránh thai [11].

Trong kết quả đánh giá chung về tỉ lệ sinh viên có kiến thức về sức khỏe sinh sản chung đạt là 27,2%; thái độ về sức khỏe sinh sản đạt là 49,0%; hành vi về sức khỏe sinh sản đúng là 58,7%. Có mối tương quan giữa điểm kiến thức, thái độ, thực hành về sức khỏe sinh sản của sinh viên với  $r=0,25$ ;  $r=0,21$ ;  $r=0,32$ ; mối tương quan có ý nghĩa thống kê với  $p<0,05$ . Kết quả này cho thấy kiến thức, thái độ, thực hành chung về sức khỏe sinh sản đầy đủ còn thấp, đặc biệt là kiến thức. Mặc dù là đối tượng sinh viên khối ngành Y tuy nhiên tỷ lệ này lại thấp, có thể do việc sinh viên thiếu sự tự tin trong các vấn đề nhạy cảm, cũng có thể do việc truyền tải kiến thức của giảng viên, sách vở, phương tiện thông tin đại chúng... có nói nhiều về vấn đề này nhưng sự tiếp thu hay lắng nghe của sinh viên còn chưa cao nên dẫn đến việc thiếu hụt kiến thức về sức khỏe sinh sản. Chính vì vậy, mở rộng thêm khóa học đào tạo tại trường hoặc tổ chức các chương trình ngoại khóa tư vấn về các biện pháp tránh thai từ các câu lạc bộ, cơ sở y tế có thể giúp cải thiện các nội dung ở kiến thức về sức khỏe sinh sản mà đối tượng còn có tỉ lệ trả lời đúng thấp.

## V. KẾT LUẬN

Tỉ lệ sinh viên có kiến thức về sức khỏe sinh sản chung đạt còn khá thấp 27,2%; tỷ lệ đối tượng có kiến thức đúng về các biện pháp tránh thai là 48,8%; trong đó có 85,1% đối tượng biết đến biện pháp bao cao su. Tỉ lệ sinh viên có thái độ về sức khỏe sinh sản đúng là

49,0%; trong đó tỉ lệ đối tượng có thái độ đạt cao về việc nạo/phá thai trước hôn nhân (76,4%). Có 58,7% đối tượng có hành vi về sức khỏe sinh sản đúng. Tỷ lệ đối tượng đã có quan hệ tình dục với bạn tình 66,9%. Hành vi đúng của sinh viên về việc sử dụng các biện pháp tránh thai 99,0%.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. DeLay, K.J., I. Voznesensky, and W.J. Hellstrom, The conception and evaluation of sexual health literature. *Sexual Medicine Reviews*. 2017. 5(2), 135-145, <https://doi.org/10.1016/j.sxmr.2016.10.001>.
  2. Trần Thị Thanh Tuyền và Phạm Văn Hậu, Thực trạng quan hệ tình dục trước hôn nhân và một số yếu tố liên quan của sinh viên một trường cao đẳng tại thành phố Hồ Chí Minh, năm 2020. *Tạp chí Y học dự phòng*. 2020. 30(6), 98-104, <https://doi.org/10.51403/0868-2836/2020/183>.
  3. Coniglio, M., et al., Knowledge of HIV infection, risk perception, and sexual behaviour of undergraduates. May female medical students act as peer educators. *Prev Med Hyg*. 2007. 48(3), 85-9, PMID: 18274344.
  4. Võ Thị Kiều Mi, Đậu Thị Thanh Hằng, Trần Thanh Ngân và cộng sự, Kiến thức, thái độ và hành vi về sức khỏe sinh sản của sinh viên nữ khối Khoa học sức khỏe, Trường Đại học Duy Tân. *Tạp chí Khoa học & công nghệ Đại học Duy Tân*. 2020. 03, 121-136.
  5. Lâm Văn Minh, Nguyễn Thị Phương Thảo, Trương Thị Tường Vy và cộng sự, Khảo sát kiến thức, thái độ của sinh viên khối ngành sức khỏe tại trường Đại học Công nghệ Đồng Nai về chăm sóc sức khỏe sinh sản, năm 2022. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2023. 532(2), <https://doi.org/10.51298/vmj.v532i2.7651>.
  6. Kassa, T.A., et al., Sexual and reproductive health of young people with disability in Ethiopia: a study on knowledge, attitude and practice: a cross-sectional study. *Globalization health*. 2016. 12, 1-11, <https://doi.org/10.1186/s12992-016-0142-3>.
  7. Bệnh viện Phụ sản Hà Nội. Nguy cơ lây truyền các bệnh qua đường tình dục ở vị thành niên. 2023; <https://benhvienphusanhanoi.vn/giao-duc-gioi-tinh/nguy-co-lay-truyen-cac-benh-qua-duong-tinh-duc-o-vi-thanh-nien-252618.html>.
  8. Nguyễn Thị Thanh Loan, Nhận thức, thái độ, hành vi của sinh viên đối với vấn đề quan hệ tình dục trước hôn nhân của sinh viên hiện nay. 2009. Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.
  9. Zhao, J., et al., Assessment of knowledge, attitude, and practice of sexual health among students in a Chinese medical college: a cross-sectional study. *Sexual Medicine*. 2023. 11(2), qfad015, <https://doi.org/10.1093/sexmed/qfad015>.
  10. Kanth, B., M.H. van Dulmen, and H.K. DeLuca Bishop, Cross-cultural variations in romantic and sexual attitudes and experiences among young adults in India and the USA. *Current Psychology*. 2023. 42(26), 22184-22199, <https://doi.org/10.1007/s12144-022-03308-3>.
  11. Phạm Thị Bảo An, Nguyễn Thị Như Quý, Lê Vĩnh Giang và cộng sự, Hành vi quan hệ tình dục trước hôn nhân và một số yếu tố liên quan của sinh viên năm thứ nhất khối sức khỏe, Trường Đại học Đại Nam năm 2022. *Tạp chí Y học Cộng đồng*. 2023. 64, <https://doi.org/10.52163/yhc.v64i6.829>.
-